TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DS-ST
Ngày 01-3-2022
"V/v tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Năm
2. Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thơi:*** Bà Vũ Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràn Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 226/2021/QĐ-ST ngày 05 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị X, Sinh năm: 1964 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C.
- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn H, Sinh năm: 1962 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C .
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Chị Lâm Thùy M (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C .
2. Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1963 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C .
3. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1964 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị X trình bày:

Bà Huỳnh Thị X và chồng bà là ông Nguyễn Thành L có làm chủ hụi mở dây hụi cụ thể như sau:

Hụi mở ngày 16/7/2017 âm lịch (dây số 01 và 02) (ghi là tờ giao kèo thành lập tổ góp vốn), loại hụi 5.000.000 đồng, dây 01 gồm 17 chưng, dây 02 gồm 19 chưng, 06 tháng khui 01 lần, vợ chồng ông Lâm Văn H, bà Phạm Ngọc N, con ông H là Lâm Thùy M tham gia mỗi dây một chưng ở dây 01 và dây 02, nhưng sau đó My không tham gia dây 02, ông H, bà N không tham gia dây 01 nữa, trong giấy hụi ở dây 02 bà ghi Lâm Thanh H (vị trí số 11, do bà không biết chữ lót của ông H, nên ghi Lâm Thanh H), chữ ký tổ viên ở vị trí thứ 11 dây số 02 là của ông Lâm Văn H. Hiện tại hụi dây 01 và dây 02 đã đình hụi ngày 01/10/2019 (âm lịch). Vợ chồng ông H hốt dây 02 kỳ mở hụi thứ 02, do vợ chồng ông H tham gia nhiều dây hụi sau khi trừ đi các dây hụi khác còn lại số tiền hụi bà đưa cho ông H là 33.430.000 đồng. Ông H, bà N đã đóng hụi chết đến kỳ thứ 5 thì không đóng nữa. Khi bà gom hụi sống và chết tại nhà của ông H, vợ ông H là bà Phạm Ngọc N người trực tiếp đóng hụi cho bà. Như vậy số tiền ông H, bà N phải đóng hụi chết cho bà 14 kỳ x 5.000.000 đồng bằng 70.000.000 đồng.

Ông Lâm Văn H trình bày:

Ông không có tham gia chơi hụi với bà Huỳnh Thị X, vợ ông là bà Phạm Ngọc N và con gái ông Lâm Thùy M có tham gia chơi hụi do bà X làm chủ hụi như thế nào thì ông không biết, ông chỉ biết con ông là My có tham gia dây hụi mùa loại hụi 5.000.000 đồng do bà X làm chủ hụi, chưng hụi của con ông tham gia đã hốt, do con ông di làm ăn xa nên khi nào đóng hụi thì con ông gửi tiền về để vợ ông đóng hụi dùm cho con. Chưng hụi con ông hốt số tiền được bao nhiêu thì ông không biết, khi bà X đến nhà ông chung hụi cho M thì M không có nhà, ông có ký giấy nhận tiền hụi, còn tiền hụi do vợ ông bà N nhận, việc bà X trừ cấn tiền hụi như thế nào thì ông không biết, giấy nhận tiền hụi ngày 16/01/2018 (số 2) là chữ viết Lâm Văn H là của ông. Sau khi nhận tiền hụi dùm M thì vợ ông đã giao lại cho My. Theo ông biết sau khi M hốt hụi có gửi tiền về cho vợ ông bà N đóng hụi cho bà X, việc vợ ông đóng hụi cho bà X như thế nào thì ông không biết. Bà X yêu cầu ông trả số tiền hụi 70.000.000 đồng là ông không đồng ý.

Bà Phạm Ngọc N trình bày:

Bà có tham tham gia nhiều chưng hụi do bà Huỳnh Thị X mở hụi trong đó có hai dây hụi mở ngày 16/7/2017 (âm lịch) dây số 01 và số 02 loại hụi 5.000.000 đồng, dây số 1 có 17 hụi viên, bà và con bà là M tham gia mỗi dây một chưng, Sau đó bà và con bà không tham gia chưng hụi của dây số 02, chỉ còn dây số 01 bà tham gia một chưng, con bà 01 chưng hiện tại bà chưa hốt, hụi hiện tại bà X đã đình hụi, việc thỏa thuận chơi hụi giữa bà với bà X bà có nói với chồng bà ông H biết, ông H có ngăn cản bà không cho bà tham gia, còn việc bà tham gia chơi hụi với bà X cụ thể như thế nào thì ông H không biết.

Đối với chưng hụi của con bà tham gia dây số 01, hụi 5.000.000 đồng thì M đã hốt hụi kỳ thứ 02. Do con bà đi làm ăn xa nên bà có nhận dùm tiền hụi của con bà do bà X giao hụi số tiền 33.430.000 đồng, chồng bà ông H ký tên trong giấy giao tiền hụi ngày 16/01/2018 (số 2). Giấy giao nhận tiền hụi hốt do bà X tự ghi.

Đối với chị Lâm Thùy M, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị M vẫn không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà X.

Tại phiên tòa bà X thay đỗi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông H, bà N trả số tiền hụi chết cho bà 60.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu về trình tự, thu thập chứng cứ và tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, buộc ông H, bà N có trách nhiệm trả cho bà X số tiền hụi thiếu 60.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, phần tranh luận, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng:

[1] *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Huỳnh Thị X khởi kiện yêu cầu ông Lâm Văn H trả tiền hụi, ông H có nơi cứ tại huyện Văn Thời, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là tranh chấp hụi và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Vắng mặt của đương sự:* Các đương sự ông Lâm Văn H, bà Phạm Ngọc N và chị Lâm Thùy M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà N và chị M là đúng quy định.

- Về Nội dung:

[3] Vợ chồng bà Huỳnh Thị X, ông Nguyễn Thành L có mở các dây hụi ngày 16/7/2017 âm lịch dây một và dây hai thực tế có xãy ra. Theo bà X trình bày vợ chồng ông H, bà N tham gia mỗi dây hụi 01 chưng, con ông H tham gia mỗi dây một chưng. Nhưng sau đó con ông H là M không tham gia dây số hai còn ông H không tham gia dây số một nữa. Còn theo ông H cho rằng việc tham gia chơi hụi giữa bà X và vợ ông thì ông không biết, ông không có tham gia chơi hụi như bà X trình bày, ông thừa nhận có ký nhận tiền hụi là của con ông. Theo bà N xác định bà và con bà là M có tham gia mỗi dây hụi 01 chưng nhưng sau đó bà và con bà không tham gia dây hụi số hai chỉ tham gia dây hụi số một. Dây hụi số một con bà là M đã

hốt bà đã nhận tiền thay cho con bà. Đối với dây hụi số một bà vẫn còn một chưng sống.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông H, bà N có tham gia hụi do bà X làm chủ hụi thực tế có xãy ra, tuy nhiên các bên không thống nhất về các dây hụi và số chưng hụi tham gia. Bà X cho rằng ông H, bà N tham gia dây một và dây hai mỗi dây một chưng, sau đó không tham gia dây hụi số một nữa, chỉ còn dây hụi số hai. Ông H, bà N không thừa nhận cho rằng dây hụi ông H nhận tiền là dây số một do con của ông bà là M hốt. Thấy rằng tại biên nhận nhận tiền (bút lục số 41) ông H là người ký nhận tiền hụi từ bà X số tiền 33.430.000 đồng sau khi trừ đi các khoảng đóng tiền hụi khác thể hiện dây số 02 có 19 chưng, ông H cho rằng khi ký nhận tiền ông không biết vì ông chỉ ký dùm con của ông sau đó ông đưa số tiền này cho con của ông. Theo bà N trình bày số tiền hụi ông H nhận là dây số một, do My hốt là chưa đúng vì theo danh sách hụi mở ngày 16/7/2017 âm lịch thì dây số một chỉ có 17 chưng, dây số hai thì có 19 chưng. Như vậy lời trình bày của bà X là phù hợp các chứng cứ có tại hồ sơ, số tiền hụi ông H nhận là dây số hai. Ông H, bà N cho rằng ký nhận dùm con bà là M nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

[4] Tòa án tiến hành xác minh các hụi viên như bà Lê Thị T1, chị Dương Kim T2, bà Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Minh T3 đều xác định dây hụi số 02 ông Lâm Thanh H (Lâm Văn H) có tham gia chơi hụi do bà X, ông L làm chủ hụi, nhưng việc hốt hụi và đóng hụi giữa ông H với bà X cụ thể như thế nào thì không biết.

[5] Hiện tại dây hụi số hai đã đình hụi, ông H, bà N đã hốt hụi và chủ hụi đã giao đầy đủ tiền lĩnh hụi cho ông H bà N, ông H bà N phải có trách nhiệm đóng hụi cho chủ hụi, do đó yêu cầu của bà X yêu cầu ông H, bà N trả số tiền hụi chưa đóng số tiền 14 lần x 5.000.000 đồng = 70.000.000 đồng là phù hợp Điều 16, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường và Điều 471 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa bà X thay đỗi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông H, bà N trả số tiền 60.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà X, có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[6] Từ những phân tích Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị X, buộc ông Lâm Văn H và bà Phạm Ngọc N có trách nhiệm trả cho bà X khoảng tiền hụi thiếu là 60.000.000 đồng là có cơ sở.

[7] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời là có cơ sở được chấp nhận.

[8] Trong vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết dây hụi mở ngày 16/7/2017 (âm lịch) dây số một. Giữa bà X, ông H, bà N, chị M phát sinh tranh chấp có quyền khơi kiện thành một vụ án khác.

[9] Án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Lâm Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Ngọc N phải chịu là 3.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 16, 24 của Nghị quyết số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị X.

Buộc ông Lâm Văn H, bà Phạm Ngọc N trả cho bà Huỳnh Thị X số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H, bà N không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị X không phải chịu, ngày 17/5/2021 bà X đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 1.750.000 đồng biên lai thu số 0004966 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Ông Lâm Văn H, bà Phạm Ngọc N phải chịu 3.000.000 đồng (Chưa nộp).

Án xử sơ thẩm, bà X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông H, bà N, chị M và ông L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Len